

Công ty CP Chế Biến Hàng Xuất Khẩu Long An
81B QLô 62-P.2-TP.Tân An-Long An

Mẫu số B 02a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ IV NĂM 2011**

Chỉ tiêu	MS	TM	Quý IV		Lũy kế đầu năm đến cuối quý này		ĐVT: đồng
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
I	2	3	4	5	6	7	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V1.25	279,022,788,755	345,799,707,392	908,451,928,013	912,790,507,820	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03		21,169,724	19,758,223	1,957,333,905	64,996,332	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-03)	10		279,001,619,031	345,779,949,169	906,494,594,108	912,725,511,488	
4. Giá vốn hàng bán	11	V1.27	327,636,450,163	261,765,532,141	845,722,800,188	740,495,896,078	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(48,634,831,132)	84,014,417,028	60,771,793,920	172,229,615,410	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V1.26	6,488,504,206	7,808,984,813	21,731,244,941	21,387,628,104	
7. Chi phí tài chính	22	V1.28	17,294,288,434	992,328,684	44,388,785,945	24,163,078,003	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15,605,287,229	1,549,119,126	37,918,030,073	14,444,818,582	
8. Chi phí bán hàng	24		5,212,332,240	3,926,950,945	14,307,283,295	15,060,707,040	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(7,982,709,595)	31,008,541,437	12,103,993,775	44,713,165,385	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		(56,670,238,005)	55,895,580,775	11,702,975,846	109,680,293,086	
11. Thu nhập khác	31		300,766,930	502,978,416	523,054,173	639,874,528	
12. Chi phí khác	32		19,706,632	126,782,279	221,459,340	312,540,349	
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		281,060,298	376,196,137	301,594,833	327,334,179	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(56,389,177,707)	56,271,776,912	12,004,570,679	110,007,627,265	
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V1.30	(15,081,770,580)	12,952,189,798	1,466,155,764	26,175,541,889	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	V1.30					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(41,307,407,127)	43,319,587,114	10,538,414,915	83,832,085,376	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		(2,805)	3,235	968	7,303	
Chi phí: Báo cáo tài chính chi phí lãi vay							

Ghi chú: Báo cáo tài chính chưa kiểm soát nội bộ và chưa được kiểm toán

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phạm Thị Phương Linh

Trương Thị Phương Linh

Nguyễn Thị Ngọc Mỹ

